

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường tiểu học Khánh Trung B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương:622

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Trung, ngày 07 tháng 10 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 9 THÁNG NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90 /2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Tiểu học Khánh Trung B công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 9 tháng năm

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>				
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>				
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4,227,960,000	2,998,412,282	70.92%	28.18%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	77,932,200	77,932,200	100%	32%
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Khánh Trung, ngày 05 tháng 10 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



TRƯỜNG
TIỂU HỌC
KHÁNH TRUNG B

Nguyễn Văn Ba

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường Tiểu Học Khánh Trung B

Mã ĐVQHNS: 1004086

Mã cấp NS: 4

THUYẾT MINH TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH

9 tháng Năm 2024

Đơn vị: Trường Tiểu Học Khánh Trung B

Mã ĐVQHNS: 1004086

Mã cấp NS: 3

Nội dung	Mục lục NSNN			Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành KT	Mã NDKT	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	3	4	5=1+3	6=2+4
Kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán	12			77,932,200	77,932,200	77,932,200	77,932,200
Giáo dục tiểu học		072		77,932,200	77,932,200	77,932,200	77,932,200
Phụ cấp ưu đãi nghề			6112	68,932,200	68,932,200	68,932,200	68,932,200
Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập			6157	9,000,000	9,000,000	9,000,000	9,000,000
Kinh phí được giao tự chủ, giao khoán	13			2,998,412,282	2,998,412,282	2,998,412,282	2,998,412,282
Giáo dục tiểu học		072		2,998,412,282	2,998,412,282	2,998,412,282	2,998,412,282
Lương theo ngạch, bậc			6001	1,272,322,801	1,272,322,801	1,272,322,801	1,272,322,801
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng			6051	149,705,050	149,705,050	149,705,050	149,705,050
Phụ cấp chức vụ			6101	27,536,380	27,536,380	27,536,380	27,536,380
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ			6105	78,313,200	78,313,200	78,313,200	78,313,200
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm			6107	2,376,000	2,376,000	2,376,000	2,376,000
Phụ cấp ưu đãi nghề			6112	417,688,800	417,688,800	417,688,800	417,688,800
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc			6113	8,100,000	8,100,000	8,100,000	8,100,000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề			6115	233,861,606	233,861,606	233,861,606	233,861,606
Phụ cấp khác			6149	10,886,400	10,886,400	10,886,400	10,886,400
Tiền y tế trong các cơ quan, đơn vị			6254	18,000,000	18,000,000	18,000,000	18,000,000
Chi khác			6299	74,440,000	74,440,000	74,440,000	74,440,000
Bảo hiểm xã hội			6301	275,518,068	275,518,068	275,518,068	275,518,068
Bảo hiểm y tế			6302	47,231,664	47,231,664	47,231,664	47,231,664

Kinh phí công đoàn			6303	31,434,200	31,434,200	31,434,200	31,434,200
Bảo hiểm thất nghiệp			6304	15,743,891	15,743,891	15,743,891	15,743,891
Tiền điện			6501	17,162,752	17,162,752	17,162,752	17,162,752
Văn phòng phẩm			6551	16,894,240	16,894,240	16,894,240	16,894,240
Vật tư văn phòng khác			6599	46,844,000	46,844,000	46,844,000	46,844,000
Tuyên truyền; quảng cáo			6606	26,735,000	26,735,000	26,735,000	26,735,000
Khác			6649	4,652,000	4,652,000	4,652,000	4,652,000
Thuê lao động trong nước			6757	59,300,000	59,300,000	59,300,000	59,300,000
Các thiết bị công nghệ thông tin			6912	29,660,000	29,660,000	29,660,000	29,660,000
Tài sản và thiết bị văn phòng			6955	39,990,000	39,990,000	39,990,000	39,990,000
Chi khác			7049	64,365,000	64,365,000	64,365,000	64,365,000
Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin			7053	7,000,000	7,000,000	7,000,000	7,000,000
Chi kỷ niệm các ngày lễ lớn			7903	22,651,230	22,651,230	22,651,230	22,651,230

Người lập biểu

Nguyễn Thị Đào

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Văn Ba